

Số: 03/BC-VECS-BKS

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty CP dịch vụ đường cao tốc Việt Nam

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty CP Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (VECS);

Căn cứ vào báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, tình hình hoạt động, báo cáo và hồ sơ của Công ty CP Dịch vụ đường Cao tốc Việt Nam (VECS) trong năm tài chính 2024;

Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động SXKD và thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.

Trong năm 2024, tổng số thành viên Ban Kiểm soát là 3 người, bao gồm một thành viên chuyên trách và 2 thành viên kiêm nhiệm.

Với vai trò thay mặt cổ đông giám sát tình hình hoạt động của Công ty VECS, trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể:

- Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch kiểm soát định kỳ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, nghiên cứu các tài liệu và đánh giá kết quả hoạt động.
- Tham dự một số phiên họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.
- Thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty, thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đã được ĐHCĐ năm 2024 thông qua.
- Kiểm tra tính hợp lý, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định BCTC đã được kiểm toán, báo cáo tình hình kinh doanh, soát xét sổ sách kế toán của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định.

Trong năm 2024, BKS không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động cũng như công tác quản trị Công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đánh giá hoạt động quản trị, điều hành của Công ty

Năm 2024 qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã chỉ đạo các hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2024 của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như công tác chỉ đạo, điều hành của Công ty.

2. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024 Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp định kỳ, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để triển khai nhiệm vụ vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát Ban Điều hành việc thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh năm 2024. Giám sát công tác quản lý, SXKD đúng các quy định của pháp luật, đúng định hướng Nghị quyết đã được HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua

3. Giám sát hoạt động của Ban Điều hành

Trong năm 2024, Ban Điều hành đã bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao, cụ thể:

- Chỉ đạo xây dựng và triển khai nhiệm vụ kinh doanh đến các phòng/ban, định hướng các giải pháp đồng bộ để các Phòng, Ban đơn vị chủ động quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh.

- Trong các cuộc họp giao ban, Ban Điều hành định kỳ thực hiện việc đánh giá triển khai theo định hướng của HĐQT, đánh giá kết quả hoạt động từng tháng, từng quý theo các mặt hoạt động SXKD.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.

1. Tình hình chung:

Trong năm 2024, tình hình sản xuất kinh doanh của VECS vẫn gặp nhiều khó khăn: một số dự án xây lắp vẫn trong giai đoạn hoàn công quyết toán, VEC triển khai đấu thầu công tác vận hành, bảo trì các tuyến đường nên yếu tố cạnh tranh với các đơn vị bên ngoài rất cao. Công tác quản lý khai thác các năm trước chưa được quyết toán dứt điểm dẫn đến nguồn tài chính bị giữ lại làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Công ty ...

Tuy vậy, VECS luôn cố gắng đẩy mạnh công tác thanh toán để thu hồi vốn; kiện toàn bộ máy tổ chức để đáp ứng yêu cầu của các dự án, phân đấu đảm bảo mục tiêu lợi nhuận theo Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2024, VECS đã qua đấu thầu được các gói thầu quản lý khai thác do VEC, Khu quản lý đường bộ I và Khu quản lý đường bộ II làm chủ đầu tư. Ngoài 02 tuyến cũ đang khai thác nhiều năm như Nội Bài – Lào Cai và Cầu Giẽ - Ninh Bình, Năm 2024 Công ty đã mở rộng thị trường công tác quản lý vận hành thêm được 2 tuyến cao tốc mới là Mai Sơn – Tam Điệp và Cam Lộ - La Sơn.

Thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 25/4/2024, mặc dù công ty gặp nhiều khó khăn do giảm sản lượng thị phần công tác QLKT các tuyến cao tốc cũ nhưng Ban Điều hành công ty đã đưa ra các giải pháp đồng bộ, linh hoạt cụ thể đối với từng dự án, hợp đồng nhằm đảm bảo tiến độ và hiệu quả lợi nhuận cao nhất, tích cực tìm kiếm các công việc mới ngoài các dự án do VEC làm Chủ đầu tư.

Tình hình thực hiện từng lĩnh vực cụ thể như sau:

Năm 2024, Công ty đã ký các hợp đồng có giá trị 106,786 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên gói thầu O&M2-NBLC-2024 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai giá trị: 48,68 tỷ đồng.
- Hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn với giá trị: 25,53 tỷ đồng.
- Hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên đường cao tốc Mai Sơn - Tam Điệp với giá trị: 4,506 tỷ đồng.
- Các Hợp đồng sửa chữa sạt trượt tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai Km214, Km151, Km153, SC5 với tổng giá trị: 6,79 tỷ đồng.

- Hợp đồng thu phí Nội Bài - Lào Cai (2025-2027) trị giá 21,28 tỷ.

1.1 Đối với công tác QLKT:

Công tác quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (Km114+900-km244+155, gói thầu O&M-NB-LC2024), Cầu Giẽ - Ninh Bình (Gói thầu O&M -CG-NB), Cam Lộ - La Sơn, Mai Sơn - Tam Điệp cơ bản đáp ứng yêu cầu của VEC, Khu Quản lý đường bộ I, Khu quản lý đường bộ II.

1.2 Đối với việc thực hiện công tác đầu tư, xây dựng và các công việc khác:

a. Công tác đầu tư Trạm dừng nghỉ Km171+500 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai:

- Trạm dừng nghỉ Km171+500 (Phải tuyến) đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đã hoàn thiện việc thẩm định giá tài sản.

- Tồn tại: Hiện đang giải quyết nội dung liên quan đến chấm dứt hợp đồng với VEC và xử lý thanh quyết toán với đối tác Hợp tác kinh doanh.

b. Công tác xây dựng:

Năm 2024, VECS đã thi công xong xử lý sạt trượt mái taluy âm tại các điểm Km214, Km151, Km153 và gói thầu SC5 thuộc đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Hiện đang hoàn thiện quyết toán các gói thầu.

c. Công tác quảng cáo :

VECS tiếp tục cho thuê vị trí đặt biển quảng cáo tại dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và Cầu Giẽ - Ninh Bình. Tổng thu từ cho thuê vị trí đặt biển quảng cáo năm 2024: 160,8 triệu đồng

d. Hoạt động các Trạm dừng nghỉ tại Km171+500 và Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc:

- Trạm dừng nghỉ tại Km171+500: đang tiếp tục hợp tác với Công ty Dịch vụ Xanh

- Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc: đang tiếp tục hợp đồng hợp tác với Công ty cổ phần đầu tư Thành Long.

2. Công tác lao động, tiền lương và các mặt hoạt động khác:

Với mục tiêu xây dựng và tiến tới hoàn thiện một cơ cấu sản xuất hợp lý để nâng cao hiệu quả SXKD của công ty, trong năm 2024 Công ty đã tiến hành sắp xếp lại các phòng ban, đơn vị: Thành lập Ban Điều hành Cam lộ - La Sơn; Sáp nhập Phòng Quản lý dự án và phòng kế hoạch kinh doanh thành Phòng kế hoạch Kỹ thuật, Sáp nhập Đội vận hành 2 và Đội Bảo trì BDH Nội Bài – Lào Cai thành Đội Vận hành bảo trì

Song song với việc hoàn thiện bộ máy tổ chức, VECS cũng luôn chú trọng đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực và tâm huyết với sự phát triển của Công ty. Đến 31/12/2024 tổng số CBCNV Công ty là 141 người, trình độ đại học trở lên chiếm 36,17% (Nam 78 người, Nữ 63 người) tăng 111% so với cùng kỳ năm 2023 là 129 người. Trong đó

- + Văn phòng Công ty: 22 người
- + Ban Điều hành Nội Bài – Lào Cai: 92 người
- + Ban Điều hành Cầu Giẽ - Ninh Bình: 02 người
- + Ban Điều hành Cam Lộ - La Sơn: 17 người
- + Ban Điều hành Tuyên Quang – Phú Thọ: 08 người

- Thu nhập bình quân 8,500,000đ/người/tháng. Hàng tháng từ ngày 7 – 10 chi lương, BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho người lao động.

Bên cạnh đó, trong năm 2024, VECS đã rà soát lại một số quy chế, quy định để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của đơn vị.

- Công ty đóng kinh phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho người lao động.

3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và định giá quốc tế (IAV) thực hiện kiểm toán bao gồm:

- Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2024
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2024
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính của VECS đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá quốc tế (IAV) và thống nhất với ý kiến của Công ty Kiểm toán.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	% tăng giảm năm 2024 so với năm 2023
1	Tổng tài sản	122,8	120,9	101
2	Vốn góp ban đầu	89,37	89,37	100
3	Tổng vốn Chủ sở hữu	89,59	87,84	101
4	Nợ ngắn hạn	33,25	33,07	100
5	Tài sản ngắn hạn	111,9	110,3	101

CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: tỷ

đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2024	thực hiện năm 2023	% tăng giảm năm 2024 so với năm 2023
1	Doanh thu	66,82	63,05	106
2	Giá vốn	57,24	54,95	
3	Chi phí QLDN	7,83	10,67	
4	Lợi nhuận trước thuế	1,75	(2,57)	
5	Lợi nhuận sau thuế	1,75	(2,57)	
6	Vốn chủ sở hữu	89,59	87,84	102
7	Tổng tài sản	122,8	120,9	101
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	1,95 %		
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	1,43 %		

3. Hoạt động kinh doanh tài chính: Đến 31/12/2024, ngoài việc sử dụng vốn hiện có phục vụ cho SXKD, Công ty tiếp tục kinh doanh tài chính dưới hình thức gửi tiết kiệm Ngân hàng với thời hạn gửi từ 01 đến 06 tháng, lãi suất từ 1,6 % đến 5,05%/năm, Cty tập trung gửi tiền tại các Ngân hàng BIDV, SHB.

Tổng số tiền gửi đến 31/12/2024 là **27,6 tỷ**, Cụ thể gửi:

- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Chương Dương : 3,5tỷ

- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Cầu Giấy : 16,4 tỷ
 - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội SHB – CN Hà Thành: 7,7 tỷ
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2024 đạt 0,995 tỷ.**

4. Hoạt động thu hồi công nợ:

Đến 31/12/2024, tình hình công nợ phải thu khó đòi của VECS là **12,461** tỷ đồng. Cụ thể:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tên khách hàng nợ	Số tiền	Số đã trích dự phòng	Ghi chú
1	Công ty CP PTHT và BĐS Thái Bình Dương	1,131	1,131	Đang tìm hiểu để khởi kiện ra tòa
2	Công ty CP Thiết bị GTVT Vietraco	2,499	2,499	Đã có QĐ của TA chuyển THA nhưng chưa có TS để xử lý
3	Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD và TM TLC	2,299	2,299	Đã có QĐ của TA chuyển THA nhưng chưa có TS để xử lý
4	Công ty CP SXKD Vật liệu Phúc Minh	1,455	1,455	Đang tìm hiểu để khởi kiện ra tòa
5	Công ty CP Chứng khoán Trảng An	3,200	3,200	Cty đã phá sản, GD đã bị kết án
6	Công ty CPĐT và XNK Mỹ Sơn	0,798	0	Đang P/hợp Q/toán Trạm dừng nghỉ Km 171+500 để bù trừ công nợ
7	Ông Bảo Việt Trung & Bà Đoàn Lệ Hoa	0,766	0	Bên nợ có đơn xin xem xét miễn khoản tiền lãi.
8	Công ty TNHH Thương mại Như Nguyễn	0,123	0,123	Khách nợ đã ngừng hoạt động
9	Công ty CPXD Toàn Việt	0,68	0,68	Phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc liên quan đến công nợ
10	Công ty TNHH MTV 319.5	0,122	0,122	Tiếp tục đôn đốc thu hồi nợ
Tổng cộng		12,461	10,897	

Do các đơn vị đều có tài chính yếu kém, hoặc ngừng hoạt động, có trường hợp còn vướng lao lý nên không thể thu hồi nợ được mặc dù Công ty đã đôn đốc và đã khởi kiện.

Số trích lập dự phòng lũy kế đến ngày 31/12/2024 là **10,897 tỷ đồng**. Đơn vị vẫn đang tiếp tục tăng cường các biện pháp đôn đốc thu hồi số nợ xấu đến 31/12/2024.

5. Nhận xét:

Báo cáo tài chính của VECS cơ bản đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính Công ty tại ngày 31/12/2024. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối

kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng trên thuyết minh BCTC cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

6. Đánh giá:

Trong năm 2024, VECS đã nỗ lực khắc phục khó khăn để thực hiện kế hoạch SXKD và đã đạt được những kết quả sau:

- Doanh thu của VECS năm 2024: 66,82 tỷ đồng đạt 98% so với kế hoạch năm 2024.

- Lợi nhuận của VECS năm 2024; 1,75 tỷ đồng đạt 100% so với kế hoạch năm 2024.

- Tỷ lệ huy động vốn (Nợ phải trả/vốn điều lệ): $33,25 \text{ tỷ đồng} / 89,37 \text{ tỷ đồng} = 0,37$ lần.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn): $111,9 \text{ tỷ đồng} / 33,25 \text{ tỷ đồng} = 3,36$ lần.

- Đến thời điểm 31/12/2024, tỷ lệ vốn đầu tư chủ sở hữu của VECS trên tổng nguồn vốn là 0,73 lần ($89,59 \text{ tỷ đồng} / 122,8 \text{ tỷ đồng}$)

- Đánh giá về mức độ bảo toàn vốn của VECS (Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo/Vốn chủ sở hữu cuối kỳ trước liền kề): $89,59 / 87,84 = 102\%$ tăng 2%

- Ngoài ra hàng tồn kho là Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình Hạng mục CGNB san lấp mặt bằng (6,885 tỷ) từ năm 2013; Đảm bảo ATGT, chống lóa A5, A7 (1,783 tỷ) từ năm 2018; Gói xây lắp A1.1 (250 triệu) từ năm 2020 cần được xem xét trích lập dự phòng.

- Theo đánh giá tình hình thực tế, nếu không thu hồi được công nợ quá hạn (gồm các khoản nợ xấu và các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn) và quyết toán các chi phí SXKD dở dang tại khoản mục Hàng tồn kho (với tổng giá trị tất cả các khoản này khoảng 23,7 tỷ đồng) sẽ dẫn đến Công ty có nguy cơ mất an toàn tài chính, không bảo toàn được vốn.

IV. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Ban KS kiến nghị tiếp tục xử lý thu hồi công nợ còn tồn đọng để cải thiện dòng tiền cho công ty.

- Kiến nghị Công ty trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi phù hợp theo đúng quy định.

- Phối hợp và làm việc với VEC để giải quyết dứt điểm chi phí san lấp mặt bằng Trạm dừng nghỉ tại Cầu Giẽ - Ninh Bình và công tác quyết toán O&M các năm.

- Đề nghị bổ sung thành viên hội đồng quản trị độc lập theo đúng quy định tại luật chứng khoán và luật doanh nghiệp.

- Duy trì và tăng cường việc quản lý tài chính để tiết giảm chi phí trực tiếp, gián tiếp từ đó tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty cũng như Quy chế Ban Kiểm soát đã ban hành.

- Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành;
- Tổ chức thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2025;
- Thực hiện báo cáo định kỳ của Ban Kiểm soát;
- Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ đường Cao tốc Việt Nam năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Cty;
- HĐQT, BĐH Cty;
- Các UV BKS;
- Lưu: BKS.

**TM/BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thị Hiền



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024 VÀ
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Thái Hòa

Hà Nội, tháng 3 năm 2025

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Trong năm 2024, tình hình sản xuất kinh doanh của VECS vẫn đang gặp nhiều khó khăn: Hoạt động tài chính ngân hàng giảm sút, công nợ thu hồi vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Công tác quản lý khai thác các năm trước chưa được quyết toán dứt điểm dẫn đến nợ đọng tài chính làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Công ty.

Tuy vậy, VECS luôn cố gắng đẩy mạnh công tác thanh toán để thu hồi vốn; kiện toàn bộ máy tổ chức để đáp ứng yêu cầu công việc, phấn đấu thực hiện mục tiêu lợi nhuận theo Nghị quyết của HĐQT và Đại hội cổ đông.

1. Thuận lợi:

- Nhận được sự quan tâm chỉ đạo, tin tưởng, tạo điều kiện của Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC) trong việc VECS thực hiện công tác Quản lý khai thác, vận hành, bảo trì và thu phí các tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và tuyến đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

- Sự ủng hộ của HĐQT Công ty và của các cổ đông trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của VECS.

2. Khó khăn:

- Tình hình thu hồi nợ của công ty qua nhiều năm vẫn gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan: chủ yếu do công nợ tồn đọng lâu dài, khách hàng nợ không có khả năng để trả nợ, không có tài sản để thi hành án.

- Công tác phê duyệt dự toán chính thức cũng như công tác quyết toán hàng năm của công tác vận hành bảo trì và thu phí của VEC còn chậm.

- Một số hạng mục xây lắp công tác thanh quyết toán kéo dài.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024:

1. Tình hình tài chính:

- Giá trị tổng tài sản:	122,8 tỷ đồng;
- Vốn góp chủ sở hữu:	89,59 tỷ đồng;
- Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA):	1,43%
- Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE):	1,95%

2. Tình hình quản lý, tổ chức nhân sự:

2.1. Công tác tổ chức, quản lý:

Trong năm 2024 thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 với mục tiêu ổn định và duy trì hoạt động công ty.

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số cán bộ công nhân viên của VECS là 141 người, tương ứng 109% so với năm 2023 (129 người).

Các phòng, đơn vị trực thuộc Công ty gồm 03 phòng (Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kế hoạch kỹ thuật), 04 Ban (Ban điều hành

Nội Bài - Lào Cai, Ban điều hành Cầu Giẽ - Ninh Bình, Ban điều hành Tuyên Quang - Phú Thọ, Ban điều hành Cam Lộ - La Sơn). Cụ thể như sau:

- Văn phòng Công ty: 22 người.
- Ban điều hành NB-LC: 92 người.
- Ban ĐH Cầu Giẽ - Ninh Bình: 02 người
- Ban điều hành Tuyên Quang - Phú Thọ: 08 người
- Ban điều hành Cam Lộ - La Sơn: 17 người

Nhìn chung, nhân sự của các phòng ban và các chi nhánh đã phát huy hiệu quả công việc.

Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế, nội quy nội bộ về quản lý giao khoán, văn thư lưu trữ, quản lý nhân sự... và áp dụng rộng rãi trong Công ty.

Xây dựng hình ảnh Công ty thông qua tất cả các hình thức quảng cáo, tờ rơi fanpage và trang Web công ty.

Áp dụng phần mềm quản lý nội bộ trong Công ty nhằm giảm thiểu chi phí quản lý, văn phòng. Sử dụng máy chấm công, đồng phục cơ quan để nâng cao ý thức, hình ảnh của Công ty và của người lao động.

Đóng kinh phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí khác đầy đủ cho người lao động năm 2024 với kinh phí 2,468 tỷ đồng.

Nộp thuế đầy đủ cho ngân sách nhà nước với kinh phí 1,85 tỷ đồng.

Thu nhập bình quân 8,5 triệu đồng/người tháng và được chi trả lương đầy đủ cho người lao động.

2.2. Công tác tổ chức Đảng, Công đoàn:

Các tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên của VECS trực thuộc các tổ chức của VEC, chịu sự kiểm tra giám sát và tham gia, sinh hoạt thường xuyên với VEC.

Trong năm 2024, Công ty đã tích cực tham gia và thực hiện các công tác Công đoàn và Đoàn, như sau:

*** Các hoạt động Công đoàn:**

- Thường xuyên phối hợp với chính quyền thực hiện các hoạt động tuyên truyền vận động đoàn viên thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện các hoạt động chăm lo, thăm hỏi, tặng quà người lao động để động viên NLD yên tâm lao động, hoàn thành tốt công việc được giao.

- Tham gia các hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ chào mừng 20 năm thành lập VEC và các hoạt động thể thao chào mừng 80 năm ngày truyền thống ngành GTVT.

- Tham gia vệ sinh an toàn lao động, thành lập các câu lạc bộ thực hiện các hoạt động thể thao cho CBNV, giao lưu với các đơn vị đối tác như gặp mặt trao đổi kinh nghiệm và các hoạt động xã hội khác.

*** Các hoạt động Đoàn:**

- Thường xuyên tham gia các chương trình hiến máu tình nguyện do Hội chữ thập đỏ phát động phong trào.
- Tham gia hoạt động về nguồn nhân dịp 27-7, tổ chức dâng hương nghĩa trang liệt sĩ tại Yên Bái.

3. Tình hình thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2024:

Thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua ngày 25/04/2024. Công ty đã đạt được một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2024		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu	68,01	66,82	98,25 %
2	Giá vốn bán hàng	59,1	57,24	
3	Lãi gộp (1-2)	8,91	9,58	
4	Chi phí Quản lý doanh nghiệp	7,17	7,83	
5	Trích lập dự phòng khoản khó đòi			
6	Lợi nhuận trước thuế (3-4-5)	1,74	1,75	
7	Thuế	0,35		
8	Lợi nhuận sau thuế (6-7)	1,39	1,75	125%

Đánh giá kết quả SXKD năm 2024: Doanh thu so với kế hoạch đầu năm đạt 98,25% nguyên nhân do một số phát sinh trên tuyến chưa được phê duyệt kịp thời dẫn đến sản lượng không đạt so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 1,75 tỷ đồng tăng 25% so với kế hoạch do không phải nộp thuế TNDN (năm 2023 Lợi nhuận trước thuế âm -2,57 tỷ).

4. Tình hình triển khai công việc sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2024, Công ty đã các ký hợp đồng có giá trị 106,78 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên gói thầu O&M2-NBLC-2024 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai giá trị: 48,68 tỷ đồng.
- Hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn với giá trị: 25,53 tỷ đồng.
- Hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên đường cao tốc Mai Sơn - Tam Điệp với giá trị: 4,506 tỷ đồng.

- Các Hợp đồng sửa chữa sạt trượt tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai Km214, Km151, Km153, SC5 với tổng giá trị: 6,79 tỷ đồng.

- Hợp đồng thu phí tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai giai đoạn 2025 - 2027 với giá trị 21,28 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện từng lĩnh vực cụ thể như sau:

4.1 Đối với công tác QLKT:

- Gói thầu O&M2-NBLC-2024: Công tác quản lý BDTX đoạn từ Km114+750 - Km244+155 tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai: Giá trị thực hiện đến nay là: 26,86/52 tỷ đồng, đạt 51% giá trị hợp đồng, thời gian hoàn thành 31/3/2026.

- Gói thầu O&M-CGNB-2023: gói thầu đã hoàn thành theo hợp đồng 31/01/2025 và đang trong giai đoạn Quyết toán gói thầu.

- Gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cao tốc đoạn Cam Lộ - La Sơn: Giá trị thực hiện đến nay là: 3,7/24,5 tỷ đồng, đạt 15% giá trị hợp đồng, thời gian hoàn thành 31/3/2027.

- Gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường cao tốc Mai Sơn - Tam Điệp: Giá trị thực hiện đến nay là: 0,54/4,5 tỷ đồng, đạt 12% giá trị hợp đồng, thời gian hoàn thành 31/3/2027.

- Gói thầu Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường và cầu trên các tuyến đường tỉnh: 151, 151B, 151C, 161 và 162 đường tỉnh Nội Bài - Lào Cai: gói thầu triển khai thực hiện từ 15/01/2025, kết thúc 31/12/2025.

- Công tác quản lý vận hành đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ: Tiến hành triển khai công tác vận hành đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ đoạn Km20+000 đến Km40+200.

Đánh giá:

- Cơ bản đáp ứng các yêu cầu của Chủ đầu tư (VEC, Khu Quản lý đường bộ I, Khu quản lý đường bộ II).

- Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số nội dung cần phải khắc phục.

4.2 Đối với việc thực hiện Công tác đầu tư, xây dựng và các công việc khác:

a. Công tác đầu tư trạm dừng nghỉ Km171+500:

- Trạm dừng nghỉ Km171+500 (Phải tuyến) đường cao tốc NBLC, hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ổn định. Đã hoàn thiện việc thẩm định giá tài sản, chờ tiến hành thanh lý hợp đồng và chuyển sang đấu thầu.

b. Công tác xây dựng:

- Gói thầu sửa chữa sạt lở mái taluy âm Km151, Km153 và cầu xóm Cam dự án NBLC, Gói thầu SC5 sửa chữa sạt lở mái taluy trên đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai: Các gói thầu đã hoàn thành, hiện đang trong quá trình quyết toán.

- Dự án đường ven biển Hải Phòng: Hiện VECS đang hoàn thiện hồ sơ hoàn công để quyết toán với CĐT.

c. Công tác khác

- VECS tiếp tục cho thuê vị trí đặt biển quảng cáo tại dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và Cầu Giẽ - Ninh Bình với các công ty.

- Đối với Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc: Vẫn tiếp tục hợp tác với Công ty Cổ phần đầu tư Thành Long, thời gian thực hiện hợp tác bắt đầu từ 04/01/2022.

- VECS tiếp tục duy trì hoạt động tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng (BIDV, SHB) nhằm mang lại khoản thu nhập từ lãi tiền gửi.

d. Hoạt động thu hồi công nợ:

Tình hình thu hồi công nợ của Công ty với một số khách hàng nợ đọng kéo dài còn nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan. Đến ngày 31/12/2024, công nợ phải thu khó đòi của VECS là **12,46 tỷ đồng**. Số thu được trong năm 2024 là 0 đồng, số đã trích lập lũy kế đến nay là **10,89 tỷ đồng**. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên khách hàng nợ	Số tiền	Đã trích lập dự phòng qua các năm (từ 2011-2024)	Ghi chú
1	Công ty CP PTHT và BĐS Thái Bình Dương	1.131.104.236	1.131.104.236	Đang hoàn thiện hồ sơ khởi kiện ra tòa
2	Công ty CP Thiết bị GTVT Vietraco	2.498.964.146	2.498.964.146	Đã có QĐ của TA chuyển THA nhưng chưa có TS để xử lý
3	Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD và TM TLC	2.299.310.959	2.299.310.959	Đã có QĐ của TA chuyển THA nhưng chưa có TS để xử lý
4	Công ty CP SXKD Vật liệu Phúc Minh	1.454.828.918	1.454.828.918	Đang hoàn thiện hồ sơ khởi kiện ra tòa
5	Công ty CP Chứng khoán Trảng An	3.199.777.778	3.199.777.778	Cty đã phá sản, GD đã bị kết án
6	Công ty CPĐT và XNK Mỹ Sơn	797.500.000	0	Đang P/hợp Q/toán Trạm dừng nghỉ Km 171+500 để bù trừ công nợ
7	Ông Bảo Việt Trung & Bà Đoàn Lệ Hoa	766.335.634	0	Bên nợ có đơn xin xem xét miễn khoản tiền lãi.
8	Công ty TNHH Thương mại Như Nguyễn	123.477.864	123.477.864	Khách nợ đã ngừng hoạt động
9	Công ty CPXD Toàn Việt	68.118.908	68.118.908	Phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc liên quan đến công nợ
10	Công ty TNHH MTV 319.5	121.812.686	121.812.686	Tiếp tục đôn đốc thu hồi nợ
Tổng cộng		12.461.231.129	10.897.395.495	

5. Một số khó khăn vướng mắc:

5.1 Khó khăn về tài chính:

Công tác vận hành bảo trì và thu phí chưa được quyết toán dứt điểm hàng năm, một phần nguồn tài chính đang bị treo. Lãi suất ngân hàng bị giám sát mạnh, công nợ kéo dài nhiều năm, đến nay phải trích lập dự phòng theo quy định.

5.2 Thanh quyết toán công tác O&M:

- Vướng mắc trong công tác phê duyệt dự toán dẫn đến chậm quyết toán giá trị hoàn thành hàng năm.

- Một số phát sinh sửa chữa trên tuyến chưa được phê duyệt kịp thời do xử lý khẩn cấp nên VECS phải bỏ nguồn vốn ra để thực hiện trước, dẫn đến vốn bị tồn đọng lâu được thu hồi.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG, CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC:

- Năm 2024, Công ty vẫn trong giai đoạn khó khăn, mặc dù Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã nỗ lực cố gắng thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạt được kế hoạch đề ra.

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ lương, nâng bậc lương, thưởng, bảo hiểm. Các Nghị quyết, Quy chế, Quy định đã được ban hành kịp thời triển khai vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025:

1. Nhận định tình hình:

Căn cứ vào tình hình thực tế chung do các nguyên nhân chủ quan và khách quan năm 2024, với mục tiêu duy trì hoạt động của Công ty và tiếp tục triển khai các Hợp đồng đã được ký kết và tìm kiếm thêm công việc công tác QLKT thông qua đấu thầu tại các tuyến cao tốc.

- Mặc dù có kinh nghiệm trong công tác quản lý khai thác, tiếp tục đấu thầu công tác O&M. Các dự án cũng là cơ hội và cũng là thách thức ảnh hưởng lớn đến mục tiêu và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hợp đồng xây lắp: Ngày càng khó khăn vì đơn giá các công trình thấp, đòi hỏi nguồn vốn và phải đầu tư máy móc thiết bị...

- Hợp đồng quảng cáo: Hình thức kinh doanh các tấm lớn không còn lợi thế.

Năm 2025, VECS vẫn tập trung chính thực hiện công tác O&M của dự án Nội Bài - Lào Cai, Cam Lộ - La Sơn, Mai Sơn - Tam Điệp và đầu tư, khai thác dịch vụ trạm dừng nghỉ, đồng thời đẩy nhanh tiến độ quyết toán các dự án còn giá trị dở dang lớn để thu tiền. Thanh quyết toán công tác O&M, các dự án xây lắp.

Ngoài ra, VECS cần mở rộng các mối quan hệ để tìm kiếm nguồn việc mới để nâng cao năng lực và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Căn cứ tình hình thực hiện năm 2024, Công ty đề ra nhiệm vụ năm 2025 như sau:

2.1 Kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, chi phí tiền lương:

2.1.1 Kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận:

Trên cơ sở các hợp đồng đã ký kết, VECS phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	Doanh thu	66,82	90,82	
2	Giá vốn bán hàng	57,24	70,27	
3	Lãi gộp (1-2)	9,58	12,55	
4	Chi phí Quản lý doanh nghiệp	7,83	7,80	
5	Trích lập dự phòng khoản khó đòi			
6	Lợi nhuận trước thuế (3-4-5)	1,75	4,75	
7	Thuế		0,95	
8	Lợi nhuận sau thuế (6-7)	1,75	3,80	

2.1.2 Kế hoạch về quỹ tiền lương năm 2025:

- Định biên lao động: 161 người.
- Tổng quỹ lương năm 2025 dự kiến là: 20,9 tỷ.

Trong đó: Tổng tiền lương (bao gồm lương, thưởng, chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ..).

Cụ thể:

- + Tiền lương bộ phận gián tiếp: 5,23 tỷ (Chi phí này nằm trong chi phí QLDN).
- + Tiền lương bộ phận trực tiếp: 15,67 tỷ (Chi phí này nằm trong chi phí giá thành sản xuất của các Ban điều hành).

2.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.2.1 Công tác quản lý, tổ chức nhân sự:

- Tiếp tục kiện toàn, bổ sung bộ máy Ban lãnh đạo, phòng ban và các ban điều hành cho phù hợp với công việc.
- Rà soát đánh giá năng lực cán bộ để bố trí công việc phù hợp hoặc chấm dứt hợp đồng lao động nếu không đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Tiếp tục đào tạo huấn luyện công tác nghiệp vụ cho CBCNV trong công tác quản lý khai thác.

- Áp dụng cơ chế quản lý linh hoạt, đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Áp dụng, bổ sung các quy trình quy định trong công tác quản lý, điều hành sản xuất.

2.2.2 Công tác quản lý khai thác:

- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng đã ký kết, đáp ứng các yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Tiếp tục bám VEC trong công tác quyết toán năm 2015-2022 các tuyến Nội Bài - Lào Cai, Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

- Theo dõi, triển khai, hoàn thiện các thủ tục công tác Quản lý khai thác Dự án đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ.

- Tham gia đấu thầu công tác QLKT các dự án của VEC và các dự án của Cục đường bộ Việt Nam.

2.2.3 Công tác đầu tư xây dựng:

2.2.3.1 Đối với các dự án đang triển khai:

- Phối hợp thực hiện công tác quyết toán các hạng mục xây lắp khi Nhà thầu chính quyết toán được với Chủ đầu tư.

- Tiếp tục triển khai hợp tác kinh doanh tại Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc.

- Đôn đốc phối hợp với các đơn vị thuê vị trí đặt biển quảng cáo trong việc kinh doanh biển quảng cáo.

2.2.3.2 Đối với các dự án mới và công việc khác trong năm 2025:

- Triển khai tìm kiếm và thi công một số dự án khác để đảm bảo việc làm trong năm 2025 và cho những năm tiếp theo.

2.3 Công tác thu hồi công nợ:

- Tiếp tục làm việc với các công ty đối tác để thu hồi các công nợ khó đòi;

- Tiếp tục làm việc với đơn vị thi hành án để thu hồi nợ.

3. Hoạt động cổ phiếu VECS trên sàn UPCOM:

Trong năm 2024, tình hình Cổ phiếu của VECS có nhiều biến động theo thị trường chung.

VI. KIẾN NGHỊ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Căn cứ tình hình thực tế trong công tác quản trị và điều hành hoạt động của Công ty, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động cân đối và quyết định trong việc xem xét điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh khi cần thiết, quyết định việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho phù hợp với thực tế kết quả hoạt động SXKD hàng năm của Công ty.

VII. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2024 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO:

Trong năm 2025 và các năm tiếp theo VECS tiếp tục lấy công tác QLKT làm nhiệm vụ trọng tâm. Để thực hiện được nhiệm vụ trên, VECS triển khai các giải pháp đồng bộ sau:

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả các công việc đã trúng thầu.
2. Nghiên cứu để đầu tư hoặc hợp tác để nâng cao năng lực trong công tác sửa chữa, bảo trì đường cao tốc.
3. Liên danh, liên kết và hợp tác với các nhà đầu tư để tham gia đầu tư, đấu thầu thực hiện các gói thầu như: san lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng hệ thống biển quảng cáo, phát triển hệ thống thông tin dọc các tuyến cao tốc để khai thác các dịch vụ thông tin kỹ thuật cao.
4. Tăng cường công tác quản lý, điều hành đảm bảo một số chỉ tiêu về tài chính như sau:

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu ;
- Doanh thu hàng năm ổn định;
- Tiếp tục thu hồi nợ tồn đọng;

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ của các năm tiếp theo của Công ty Cổ phần dịch vụ đường cao tốc Việt Nam, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến chấp thuận để VECS triển khai thực hiện.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2025



Số: 02/TTr-VECS-BKS

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v : Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025)

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông - Công ty cổ phần Dịch vụ đường Cao tốc Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ đường Cao tốc Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ danh sách các đơn vị kiểm toán đã được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận kiểm toán báo cáo tài chính của các Công ty đại chúng và tổ chức niêm yết;

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Dịch vụ đường Cao tốc Việt Nam xem xét phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 như sau :

1/ Danh sách các Công ty kiểm toán :

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - TDK

2/ Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán :

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét cho ý kiến để biểu quyết, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phạm Thị Hiền

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2025

Số: 06 /TTr-VECS-HĐQT

TỜ TRÌNH

Phê duyệt tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và dự kiến năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-VECS-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua mức tiền lương, thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao cho năm tài chính 2025 như sau:

1. Tiền lương, thù lao chi trả trong năm 2024:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách: Tiền lương theo Quy chế trả lương Công ty
- Thù lao thành viên HĐQT: 2.000.000đ/tháng
- Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách: Tiền lương tương đương mức lương Trưởng phòng theo Quy chế trả lương Công ty.
- Thù lao thành viên Ban Kiểm soát: 1.000.000đ/tháng

2. Tiền lương, thù lao dự kiến chi trả trong năm 2025:

Hội đồng Quản trị đề xuất mức thù lao đối với thành viên HĐQT và thành viên BKS trong năm tài chính 2025 như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách: Tiền lương theo Quy chế trả lương Công ty
- Thù lao thành viên HĐQT: 2.000.000đ/tháng
- Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách: Tiền lương tương đương mức lương Trưởng phòng theo Quy chế trả lương Công ty.
- Thù lao thành viên Ban Kiểm soát: 1.000.000đ/tháng

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Website VECS;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Thái Hòa

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2025

Số: 08 /TTr-VECS-HĐQT

TỜ TRÌNH

Về danh sách các ứng cử viên

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam;

Căn cứ văn bản đề cử các ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của các quý vị cổ đông,

Sau khi tổng hợp danh sách đề cử của các cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các ứng viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ đường cao tốc nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

1. Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chi tiết ứng cử	Đại cổ đông giới thiệu	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Tiên Phong		Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam 22,38% vốn điều lệ	Giám đốc VECS
	Năm sinh	1978		
	Trình độ	Kỹ sư		
2	Ông Đào Hoàng Tùng		Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam 22,38% vốn điều lệ	Phó Trưởng Ban Chiến lược và đầu tư Tập đoàn thay thế ông Trương Hùng Sơn
	Năm sinh	1982		
	Trình độ	Thạc sỹ		
3	Ông Trần Văn Thế		Nhóm cổ đông gồm Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Indel (3,54%) và ông Trần Văn Thế (10,96%) vốn điều lệ	Chủ tịch Indel
	Năm sinh	1982		
	Trình độ	Tiến sỹ		
4	Ông Tạ Văn Luận		Nhóm cổ đông gồm Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Indel (3,54%) và ông Trần Văn Thế (10,96%) vốn điều lệ	Phó chủ tịch Indel
	Năm sinh	1984		
	Trình độ	Thạc sỹ		

2. Ứng cử viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chi tiết ứng cử	Đại cổ đông giới thiệu	Ghi chú
1	Ông Đỗ Trung Hiếu		Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 22,38% vốn điều lệ	Chuyên viên Ban Chiến lược và đầu tư Tập đoàn thay thế bà Lê Nguyễn Thùy Giang
	Năm sinh	2000		
	Trình độ	Thạc sỹ		

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông;
- Lưu: VT, TCHC.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Thái Hòa



TỔNG CÔNG TY ĐT PHÁT TRIỂN
ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *M* /BC-VECS - HĐQT

Hà Nội, ngày *M* tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024;
Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty CP Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/4/2024;
- Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động năm 2024; Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng quản trị trong năm 2025, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024.

1. Đánh giá chung.

Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2022 – 2027 gồm 03 thành viên: Chủ tịch HĐQT và 02 ủy viên HĐQT.

Trong năm 2024, các thành viên HĐQT về cơ bản đã thực hiện tốt nhiệm vụ, vai trò của mình. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên phối hợp với Ban điều hành để kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh và đưa ra các giải pháp phù hợp, hiệu quả cho hoạt động SXKD của Công ty; phối hợp với Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát theo các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Với vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng Ban điều hành chỉ đạo, điều hành, thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch theo Nghị quyết được ĐHĐCĐ đã thông qua; thực hiện chức năng tổ chức chỉ đạo và giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty; quyết định các vấn đề về chính sách, cơ cấu tổ chức, nhân sự của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT; thực hiện hoạt động chỉ đạo, giám sát Ban điều hành thông qua hình thức trực tiếp hoặc bằng văn bản.

2. Đánh giá từng thành viên HĐQT.

Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, bảo toàn phát triển nguồn vốn và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định pháp luật, đảm bảo kịp thời trong công tác chỉ đạo, ban hành các quyết sách quan trọng tại Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT đã thay mặt HĐQT có ý kiến chỉ đạo Ban điều hành thông qua các cuộc họp định kỳ/đột xuất, đảm bảo các quyết định chỉ đạo của HĐQT được triển khai hiệu quả và bám sát tình hình SXKD thực tế của Công ty.

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, tham gia giám sát hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý theo sự phân công của HĐQT.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành.

- Về cơ cấu tổ chức: Tổng số thành viên của Ban điều hành Công ty (Ban Giám đốc) hiện tại có 03 thành viên, gồm: 01 Giám đốc và 02 Phó giám đốc. Ban điều hành đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên nhằm phát huy năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên trong các lĩnh vực được phân công.

- Về hoạt động giám sát điều hành: Căn cứ báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bám sát các chỉ tiêu, định hướng của Nghị quyết ĐHCĐ, của HĐQT, luôn tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

4. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Về công tác sản xuất kinh doanh.

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong công tác tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty, luôn bám sát tình hình diễn biến thực tế của thị trường để đề ra các quyết sách đúng đắn, phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả mọi hoạt

động sản xuất kinh doanh của Công ty, với các chỉ tiêu chính về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2024 (Theo NQ ĐHCĐ)		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Tổng Doanh thu	68,01	66,82	98,25
2	Lợi nhuận sau thuế (6-7)	1,39	1,75	125,90
3	Lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH (%)	1,55%	1,95%	125,90
4	Thu nhập bình quân đồng/người/tháng	8,5	8,5	100

Đánh giá: Doanh thu so với kế hoạch đầu năm đạt 98,25% nguyên nhân do một số phát sinh trên tuyến chưa được phê duyệt kịp thời dẫn đến sản lượng không đạt so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 1,75 tỷ đồng tăng 25% so với kế hoạch do không phải nộp thuế TNDN (năm 2023 Lợi nhuận trước thuế âm -2,57 tỷ).

5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

Theo ủy quyền của ĐHCĐ, HĐQT đã lựa chọn Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Quốc tế là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty, việc soát xét và kiểm toán các báo cáo tài chính đã được thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ theo quy định.

6. Thực hiện chi trả tiền lương và thù lao cho HĐQT, BKS

- TVHĐQT: 2.000.000đ/tháng x 12 tháng x 2 người = 48.000.000 đồng;
- Chủ tịch HĐQT chuyên trách: tiền lương theo Quy chế trả lương Công ty.
- Trưởng ban Kiểm soát (chuyên trách): tiền lương tương đương mức lương Trưởng phòng theo Quy chế trả lương Công ty.
- TV BKS: 1.000.000đ/tháng x 12 tháng x 02 người = 24.000.000 đồng

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2025.

1. Về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của HĐQT.

Với chức năng là cơ quan quản lý Công ty, HĐQT sẽ thực hiện đầy các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng Điều lệ của Công ty và pháp luật hiện hành; vì lợi ích của Công ty và cổ đông;

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, đồng thời sẽ ban hành các Nghị quyết, Quyết định một cách kịp thời, linh hoạt để Ban Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện; Tiếp tục chỉ đạo

quyết liệt hơn và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định đó.

2. Về công tác quản trị.

- Tiếp tục rà soát để xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của Công ty làm cơ sở cho công tác quản trị, quản lý, điều hành được chặt chẽ, hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp, tạo sự chủ động trong điều hành của Ban Giám đốc.

- Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong sản xuất kinh doanh hằng tháng cũng như hằng quý, phấn đấu đạt và vượt mức các chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Về sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục định hướng, duy trì, phát triển ngành nghề kinh doanh thế mạnh của VECS về quản lý khai thác thông qua đấu thầu tại các tuyến cao tốc.

Năm 2025, VECS vẫn tập trung chính thực hiện công tác O&M của dự án và đầu tư, khai thác dịch vụ trạm dừng nghỉ, đồng thời đẩy nhanh tiến độ quyết toán các dự án còn giá trị dở dang lớn để thu tiền. Thanh quyết toán công tác O&M, các dự án xây lắp.

Ngoài ra, VECS cần mở rộng các mối quan hệ để tìm kiếm nguồn việc mới để nâng cao năng lực và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 trình ĐHĐCĐ

Dự kiến doanh thu 2025: 90,82 tỷ

Lợi nhuận sau thuế: 3,8 tỷ

Thu nhập bình quân: 8.5 trđ

4. Về công tác tổ chức và cán bộ.

- Tiếp tục kiện toàn, bổ sung bộ máy Ban lãnh đạo, phòng ban và các ban điều hành cho phù hợp với công việc.

- Rà soát đánh giá năng lực cán bộ để bố trí công việc phù hợp hoặc chấm dứt hợp đồng lao động nếu không đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Tiếp tục đào tạo huấn luyện công tác nghiệp vụ cho CBCNV trong công tác quản lý khai thác.

- Áp dụng cơ chế quản lý linh hoạt, đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Áp dụng, bổ sung các quy trình quy định trong công tác quản lý, điều hành sản xuất.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trong năm 2025, Hội đồng quản trị kính báo cáo ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Thái Hòa



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 -5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 -7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102680481 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ mười tám ngày 15 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Thái Hoà	Chủ tịch
Ông Trương Hùng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Hiền	Trưởng ban
Bà Lê Nguyễn Thuỳ Giang	Thành viên
Bà Phùng Lan Hương	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiên Phong	Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Tú	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hoàng	Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tiên Phong - Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Tầng 5, Tòa nhà Mitec, Lô E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Nguyễn Tiên Phong

Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Số: 2509/2024/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.7 – Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hạng mục hạ tầng trạm dừng nghỉ - Dự án xây dựng đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình với giá trị 6.885.175.173 đồng phát sinh và tồn đọng từ năm 2013. Với những thông tin được cung cấp, chúng tôi không đánh giá được số dư, giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm 31/12/2024 của chi phí sản xuất kinh doanh liên quan đến công trình này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 03 năm 2024.



DƯƠNG VĂN THIỆU

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 5353-2025-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025

NGUYỄN MINH TỬ

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2721-2023-283-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.946.629.125	110.290.345.588
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	8.551.117.592	18.698.085.508
1. Tiền	111		2.851.117.592	698.085.508
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.700.000.000	18.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	21.897.032.998	15.555.043.103
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		21.897.032.998	15.555.043.103
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.098.907.430	56.131.250.156
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	40.171.147.614	27.770.790.276
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	4.103.731.158	6.301.611.564
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	23.721.424.153	32.956.243.811
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(10.897.395.495)	(10.897.395.495)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	23.749.207.842	19.523.008.610
1. Hàng tồn kho	141		23.749.207.842	19.523.008.610
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		650.363.263	382.958.211
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	253.028.752	266.478.010
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	153	4.12	397.334.511	116.480.201
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.900.958.844	10.622.517.422
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.003.046.000	1.003.046.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.003.046.000	1.003.046.000
II. Tài sản cố định	220		9.370.495.733	8.587.349.307
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	9.370.495.733	8.587.349.307
- Nguyên giá	222		24.306.019.868	22.907.871.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.935.524.135)	(14.320.522.413)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		527.417.111	1.032.122.115
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	527.417.111	1.032.122.115
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		122.847.587.969	120.912.863.010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		33.253.261.404	33.069.051.096
I. Nợ ngắn hạn	310		33.253.261.404	33.069.051.096
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	17.898.784.702	14.973.071.193
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	423.288.425	1.620.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	509.252.479	-
4. Phải trả người lao động	314		1.128.718.040	1.125.411.754
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	9.809.788.020	13.504.195.071
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.14	590.277.776	650.378.787
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	2.891.756.483	1.163.598.812
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.395.479	32.395.479
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.594.326.565	87.843.811.914
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	89.594.326.565	87.843.811.914
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.372.500.000	89.372.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		89.372.500.000	89.372.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		900.534.341	900.534.341
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(678.707.776)	(2.429.222.427)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.429.222.427)	140.936.914
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.750.514.651	(2.570.159.341)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		122.847.587.969	120.912.863.010


Trần Thị Ngọc
 Người lập biểu


Nguyễn Xuân Hoàng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Tiên Phong
 Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 21 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	65.821.065.970	61.253.440.363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		65.821.065.970	61.253.440.363
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	57.197.071.888	54.936.268.629
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		8.623.994.082	6.317.171.734
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	995.208.905	1.796.007.203
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.446.038	17.399.574
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.446.038	17.399.574
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	7.824.469.161	10.665.938.704
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.793.287.788	(2.570.159.341)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	5.6	42.773.137	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(42.773.137)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.750.514.651	(2.570.159.341)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		1.750.514.651	(2.570.159.341)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.7	195,87	(287,58)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.7	195,87	(287,58)


Trần Thị Ngọc
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng


Nguyễn Tiên Phong
Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.750.514.651	(2.570.159.341)
2. Điều chỉnh cho các khoản			(378.761.145)	2.400.082.525
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		615.001.722	615.483.299
Các khoản dự phòng	03		-	3.563.206.855
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(995.208.905)	(1.796.007.203)
Chi phí lãi vay	06		1.446.038	17.399.574
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.371.753.506	(170.076.816)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.248.511.584)	(8.372.207.616)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.226.199.232)	109.206.417
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		563.764.270	10.698.640.923
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		518.154.262	2.061.052.250
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(17.399.574)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(350.000.000)	(99.854.424)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(31.000.000)	(118.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.402.038.778)	4.091.261.160
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.398.148.148)	(50.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.341.989.895)	(20.384.970.731)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	15.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		995.208.905	1.175.096.085
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.744.929.138)	(4.259.874.646)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.766.467.535	8.764.979.136
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.766.467.535)	(8.764.979.136)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.824.161.111)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		-	(1.824.161.111)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(10.146.967.916)	(1.992.774.597)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.698.085.508	20.690.860.105
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.1	8.551.117.592	18.698.085.508


Trần Thị Ngọc
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng


Nguyễn Tiên Phong
Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102680481 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ mười tám ngày 15 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 89.372.500.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ, ba trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 8.937.250 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 141 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 129 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là xây dựng các công trình dân dụng và kỹ thuật.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm.

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Bán buôn, bán lẻ đồ lưu niệm;
- Dịch vụ kho bãi;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ viễn Thông;
- Kinh doanh Nhà hàng, khách sạn;
- Kinh doanh xăng dầu, các chế phẩm từ xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;...

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1. Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.5. Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

3.6. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được theo dõi chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình cụ thể. Khi công trình hoàn thành, hoặc hoàn thành một phần và khối lượng hoàn thành được khách hàng xác nhận thì giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được kết chuyển vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ hoàn thành thực tế. Việc tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 – Hợp đồng xây dựng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

**Thời gian khấu hao
(Số năm)**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định khác	04 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

3.9. Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Thuê hoạt động của Công ty là thuê văn phòng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

3.11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (hoặc Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả tại ngày chốt quyền Cổ đông).

3.14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.
- Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của giá vốn hợp đồng xây dựng, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	579.785.993	412.252.587
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.271.331.599	285.832.921
Các khoản tương đương tiền	5.700.000.000	18.000.000.000
	8.551.117.592	18.698.085.508

Các khoản tương đương tiền của Công ty là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội SHB – CN Hà Thành với kỳ hạn từ 01 tháng đến 6 tháng và lãi suất tùy theo từng ngân hàng.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	21.897.032.998	21.897.032.998	15.555.043.103	15.555.043.103
Tiền gửi có kỳ hạn	21.897.032.998	21.897.032.998	15.555.043.103	15.555.043.103

Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội SHB – CN Hà Thành với lãi suất theo từng thời kỳ của các ngân hàng.

4.3. Phải thu khách hàng**Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty CP XNK và xây dựng Việt Nam	2.798.285.780	4.151.123.458
Tổng công ty xây dựng số 1- CTCP	6.037.524.629	6.037.524.629
Tổng Công ty Đầu Tư Phát triển Đường Cao tốc Việt Na	10.224.470.362	5.639.608.584
Công ty CP quản lý và Đầu tư XD công trình 238	5.620.203.797	-
Đối tượng khác	15.490.663.046	11.942.533.605
	40.171.147.614	27.770.790.276
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)	10.224.470.362	7.440.949.833

4.4. Trả trước cho người bán**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cty CP SXKD VL xây dựng Phúc Minh	1.454.828.918	1.454.828.918
Cty CP vận hành và bảo trì đường cao tốc VN	-	1.202.859.569
Công ty CP PLD Phú Lâm	-	2.539.065.661
Công ty TNHH Xây dựng Lâm Anh Vạn Thắng	1.178.585.231	-
Công ty TNHH Phạm Tải	930.894.916	930.894.916
Đối tượng khác	539.422.093	173.962.500
	4.103.731.158	6.301.611.564
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)	-	1.202.859.569

4.5. Phải thu khác

4.5.1. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	488.206.932	-	199.247.797	-
Tổng Công ty Đầu Tư Phát triển Đường Cao tốc VN	18.768.236.271	-	26.355.751.017	-
Công ty CP Chứng khoán Trảng An	3.199.777.778	3.199.777.778	3.199.777.778	3.199.777.778
Đối tượng khác	1.265.203.172	45.215.364	3.201.467.219	45.215.364
	23.721.424.153	3.244.993.142	32.956.243.811	3.244.993.142

4.5.2. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	3.046.000	-	3.046.000	-
Công ty CP Tập Đoàn K-MS	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	1.003.046.000	-	1.003.046.000	-

4.6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm			Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND			Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi		12.461.231.129	1.563.835.634			12.461.231.129	1.563.835.634
Công ty CP Chứng khoán Tràng An	Trên 3 năm	3.199.777.778	-		Trên 3 năm	3.199.777.778	-
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng và TM TLC	Trên 3 năm	2.299.310.959	-		Trên 3 năm	2.299.310.959	-
Công ty CP Sản xuất kinh doanh VL xây dựng Phúc Minh	Trên 3 năm	1.454.828.918	-		Trên 3 năm	1.454.828.918	-
Công ty CP Phát triển hạ tầng và BĐS Thái Bình Dương	Trên 3 năm	1.131.104.236	-		Trên 3 năm	1.131.104.236	-
Công ty CP Thiết bị giao thông vận tải Vietraco	Trên 3 năm	2.498.964.146	-		Trên 3 năm	2.498.964.146	-
Đối tượng khác	Trên 3 năm	1.877.245.092	1.563.835.634		Trên 3 năm	1.877.245.092	1.563.835.634
		12.461.231.129	1.563.835.634			12.461.231.129	1.563.835.634

4.7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.749.207.842	-	19.523.008.610	-
	23.749.207.842	-	19.523.008.610	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Giá trị hạng mục Cầu Giẽ - Ninh Bình (i)	6.885.175.173	-	6.885.175.173	-
Vận hành bảo trì, thu phí đường cao tốc NB-LC (ii)	4.903.192.611	-	4.903.192.611	-
Vận hành bảo trì Cao tốc ĐNQN từ Km 0 - Km 65 (ii)	5.485.674.507	-	5.485.674.507	-
Đảm bảo ATGT, phân cách giữa, chống lóa A5, A7 (Quảng Tây) (iii)	1.783.748.464	-	1.783.748.464	-
Công trình dự án khác	4.691.417.087	-	465.217.855	-
	23.749.207.842	-	19.523.008.610	-

- (i) Biên bản làm việc giữa VEC và Hanshin - VECS ngày 27/10/2011, theo đó VEC đồng ý ký hợp đồng Đầu tư - Kinh doanh - Chuyển giao với nhà đầu tư là hai pháp nhân Hanshin E&C và VECS trước khi liên doanh Hanshin - VECS được thành lập và yêu cầu liên doanh Hanshin - VECS triển khai ngay việc đưa thiết bị vào san lấp và bảo vệ mặt bằng tránh người dân tái lấn chiếm. Dự án do liên doanh Công ty Hanshin E&C - VECS để thực hiện. Tuy nhiên, ngày 16/07/2013, Công ty Hanshin E&C xin rút khỏi dự án do chưa thống nhất được hợp đồng với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam (VEC). Ngày 19/8/2013 VEC có văn bản số 2751/VEC-QLKT chấp thuận đề nghị rút khỏi và không tiếp tục đầu tư Trạm dịch vụ của Công ty Hanshin E&C. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của VEC, từ ngày 12/02/2014 đến ngày 17/02/2014 Ban quản lý dự án Cầu Giẽ - Ninh Bình, Tư vấn giám sát QC1, VECS đã tiến hành đo đạc, kiểm tra khối lượng thi công của VECS và đã xác nhận: Tổng diện tích thi công 82.509 m²/83.000m²; Khối lượng cát đắp 32.215 m³/36.328m³; Khối lượng đường công vụ (đắp bằng đá hỗn hợp): 4.825m³/5.176m³ - Biên bản kiểm tra khối lượng thi công ngày 12/02/2014). Để đảm bảo tiến độ đầu tư Trạm dừng nghỉ, ngày 03/4/2014 VEC đã lựa chọn Công ty TNHH Thụy Dương là nhà đầu tư Trạm dừng nghỉ Km 227+00 thuộc dự án xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (tại vị trí mà Hanshin-VECS đã đầu tư từ trước đây). Từ ngày 14/4/2014 đến ngày 26/4/2014 VECS đã cùng BQLDA Cầu Giẽ - Ninh Bình, nhà thầu thi công gói thầu 10.2A - Hạ tầng trạm dừng nghỉ Km227+00 Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình kiểm tra hiện trường và xác nhận các phạm vi VECS đã san lấp trùng với phạm vi thi công của nhà thầu thi công gói 10.2A (Biên bản xác nhận diện tích san nền ngày 26/4/2014). Ngày 25/06/2015, Công ty đã có Báo cáo số 120/BC-VECS gửi Tổng Công ty kiến nghị được thanh toán khối lượng, kinh phí Trạm dừng nghỉ do VECS đã thực hiện như trên.

Văn bản số 209/CV-EPMUCGNB ngày 22/7/2015 của Ban quản lý Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình về việc xác nhận khối lượng đã thi công san lấp trạm dừng nghỉ lý Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình trong đó có các nội dung chủ yếu:

- a. Việc triển khai đầu tư công trình khu dịch vụ đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (giai đoạn 1) được Liên doanh Công ty Hanshin E&C và VECS thực hiện theo công văn yêu cầu số 1788/VEC-KHĐT ngày 23/8/2011 của VEC. Trong quá trình nhà đầu tư triển khai, Ban QLDA không được giao nhiệm vụ quản lý giám sát.

- b. Khi VEC có chủ trương triển khai trạm dừng nghỉ Km226+769-Km228+428, Ban QLDA đã cùng tư vấn giám sát QCI, VECS tiến hành kiểm tra hiện trạng và khối lượng thực hiện (bằng biện pháp đào kiểm tra chiều dày) để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.
- c. Tại thời điểm Liên doanh Công ty TNHH Hợp Tiến và Công ty TNHH Bảo Sơn chuẩn bị triển khai thi công hạ tầng trạm dừng nghỉ Ban QLDA đã cùng đơn vị thi công và VECS xác nhận diện tích đơn vị thi công trên nền Liên doanh Công ty cho Công ty Hanshin E&C và VECS đã triển khai. Căn cứ biên bản xác nhận khối lượng và Biên bản xác nhận diện tích, Ban QLDA xác nhận khối lượng Liên doanh Công ty Hanshin E&C và VECS đã thi công trên nền của hạ tầng trạm dừng nghỉ với khối lượng san nền: 29.255,65m³.

Công ty đã có Báo cáo số 4229/BC-VECS gửi Hội đồng thành viên Tổng Công ty VEC kiến nghị thanh toán cho Công ty phần khối lượng đã thực hiện tại Trạm dịch vụ Cầu Giẽ - Ninh Bình. Đến nay, VECS chưa nhận được phương án xử lý khoản chi phí dở dang này từ VEC.

- (ii) Là các công trình đã hoàn thành năm 2022 đang chờ quyết toán với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam.
- (iii) Là Thi công Công trình đảm bảo an toàn giao thông, phân cách giữa A5, A7 Quảng Tây, phát sinh từ năm 2018 chưa quyết toán với Tổng Công ty.

4.8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư tại ngày đầu năm	15.195.244.504	643.630.364	5.414.447.583	35.866.667	1.618.682.602	22.907.871.720
Mua trong năm	-	-	1.398.148.148	-	-	1.398.148.148
Số dư tại ngày cuối năm	15.195.244.504	643.630.364	6.812.595.731	35.866.667	1.618.682.602	24.306.019.868
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày đầu năm	6.979.903.204	408.432.372	5.414.447.583	35.866.667	1.481.872.587	14.320.522.413
Khấu hao trong năm	337.199.319	71.863.644	103.451.064	-	102.487.695	615.001.722
Số dư tại ngày cuối năm	7.317.102.523	480.296.016	5.517.898.647	35.866.667	1.584.360.282	14.935.524.135
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	8.215.341.300	235.197.992	-	-	136.810.015	8.587.349.307
Tại ngày cuối năm	7.878.141.981	163.334.348	1.294.697.084	-	34.322.320	9.370.495.733

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024: 4.858.439.136 đồng (tại 01/01/2024: 4.858.439.136 đồng)

4.9. Chi phí trả trước

4.9.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê văn phòng	237.113.136	266.478.010
Còn cụ, dụng cụ và chi phí khác	15.915.617	-
	253.028.752	266.478.010

4.9.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	328.818.100	191.807.507
Trạm dừng nghỉ 171	-	444.168.170
Quy hoạch quảng cáo	193.803.351	333.803.351
Chi phí bảo lãnh	4.795.660	62.343.087
	780.445.863	1.298.600.125

4.10. Phải trả người bán

4.10.1. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số có khả năng trả nợ		Số đầu năm		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND		Giá trị VND		Giá trị VND		Giá trị VND	
Công ty CP DTXD số 6	2.034.659.209		2.034.659.209		2.034.659.209		2.034.659.209	
Công ty CP sản xuất KD vật tư TB Công Nghiệp	5.329.262.530		5.329.262.530		-		-	
Công ty CP XLCN Nam Định	2.124.445.403		2.124.445.403		1.343.083.117		1.343.083.117	
Công ty Cổ phần xây lắp 898	5.126.268.661		5.126.268.661		8.657.823.995		8.657.823.995	
Đối tượng khác	3.284.148.899		3.284.148.899		2.937.504.872		2.937.504.872	
	17.898.784.702		17.898.784.702		14.973.071.193		14.973.071.193	
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)	1.015.646.837		1.015.646.837		-		-	

4.11. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP quản lý và Đầu tư XD công trình 238	-	1.620.000.000
Công ty CP PLD Phú Lâm	422.894.000	-
Đối tượng khác	394.425	-
	423.288.425	1.620.000.000

4.12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Năm nay		Số cuối năm	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	101.558.314	-	6.127.349.498	5.516.538.705	-	509.252.479
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	350.000.000	350.000.000	-
Thuế Thu nhập cá nhân	14.921.887	-	101.550.916	108.146.985	21.517.956	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	302.507.596	302.507.596	-	-
Thuế khác	-	-	-	25.816.555	25.816.555	-
	116.480.201	-	6.531.408.010	6.303.009.841	397.334.511	509.252.479

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí giá vốn các dự án	9.809.788.020	13.504.195.071
	9.809.788.020	13.504.195.071

4.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước cho thuê dài hạn	590.277.776	650.378.787
	590.277.776	650.378.787

4.15. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	64.707	29.037
Dương Văn Luận - Ban ĐH ĐN-QN	179.038.090	179.038.090
Lê Hoàng Anh - GĐ Ban ĐHNB-LC	1.620.256.048	104.483.282
Công ty CP Dịch Vụ Đường Cao tốc Việt Nam	882.803.403	880.048.403
Phạm Cao Cường	94.018.616	-
Phùng Đại Giang	115.575.619	-
	2.891.756.483	1.163.598.812

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	89.372.500.000	900.534.341	2.078.386.914	92.351.421.255
Giảm trong năm trước	-	-	(4.507.609.341)	(4.507.609.341)
- Lỗi trong năm trước	-	-	(2.570.159.341)	(2.570.159.341)
- Chia cổ tức	-	-	(1.787.450.000)	(1.787.450.000)
- Trích lập quỹ	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư cuối năm trước	89.372.500.000	900.534.341	(2.429.222.427)	87.843.811.914
Số dư đầu năm nay	89.372.500.000	900.534.341	(2.429.222.427)	87.843.811.914
Tăng trong năm nay	-	-	1.750.514.651	1.750.514.651
- Lãi trong năm nay	-	-	1.750.514.651	1.750.514.651
Số dư cuối năm nay	178.745.000.000	1.801.068.682	(3.107.930.203)	89.594.326.565

4.16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	20.000.000.000	22,38	20.000.000.000	22,38
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	20.000.000.000	22,38	20.000.000.000	22,38
Công ty CP Đầu tư Thủy Dương	20.000.000.000	22,38	20.000.000.000	22,38
Cổ đông khác	29.372.500.000	32,87	29.372.500.000	32,87
	89.372.500.000	100,00	89.372.500.000	100,00

4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	89.372.500.000	89.372.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	89.372.500.000	89.372.500.000
Cổ tức đã chia	-	1.787.450.000

4.16.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.937.250	8.937.250
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.937.250	8.937.250
- Cổ phiếu phổ thông	8.937.250	8.937.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.937.250	8.937.250
- Cổ phiếu phổ thông	8.937.250	8.937.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	900.534.341	900.534.341

4.16.6. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	(2.429.222.427)	2.078.386.914
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay	1.750.514.651	(2.570.159.341)
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	(2.429.222.427)	2.078.386.914
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	-	(1.937.450.000)
- Chia cổ tức năm nay	-	(1.787.450.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(150.000.000)
- Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	-	-
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	(678.707.776)	(2.429.222.427)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	12.164.587.173	1.775.085.315
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.618.304.684	59.478.355.048
Doanh thu bán hàng	9.038.174.113	-
	65.821.065.970	61.253.440.363
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> (Chi tiết tại thuyết minh 7.2)	45.783.011.243	46.221.203.461

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	10.660.521.547	748.377.543
Giá vốn cung cấp dịch vụ	37.542.240.841	54.187.891.086
Giá vốn bán hàng	8.994.309.500	-
	57.197.071.888	54.936.268.629

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	995.208.905	1.796.007.203
	995.208.905	1.796.007.203

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thấu chi	1.446.038	17.399.574
	1.446.038	17.399.574

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.943.334.409	4.521.278.240
Chi phí vật liệu quản lý	307.686.841	271.721.345
Chi phí đồ dùng văn phòng	135.937.279	162.825.312
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.564.516	-
Thuế, phí và lệ phí	76.993.160	47.786.796
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	-	3.563.206.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.496.696.035	1.366.178.811
Chi phí khác bằng tiền	793.256.921	732.941.345
	7.824.469.161	10.665.938.704

5.6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt	42.773.137	-
	42.773.137	-

5.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.750.514.651	(2.570.159.341)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng (VND)	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.750.514.651	(2.570.159.341)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	8.937.250	8.937.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	195,87	(287,58)

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể được phân bổ đầy đủ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ thay đổi.

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	443.624.120	1.156.331.958
Chi phí nhân công	18.067.821.221	12.932.209.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	615.001.722	615.483.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.305.671.098	16.353.175.063
Chi phí dự phòng	-	3.563.206.855
Chi phí khác bằng tiền	1.159.431.760	30.981.801.134
	61.591.549.921	65.602.207.333

6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

6.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.551.117.592	18.698.085.508
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.998.222.272	50.832.684.592
Đầu tư ngắn hạn	21.897.032.998	15.555.043.103
	84.446.372.862	85.085.813.203
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	20.790.541.185	16.136.670.005
Chi phí phải trả	9.809.788.020	13.504.195.071
	30.600.329.205	29.640.865.076

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

6.2. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà

Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông] cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày cuối năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.551.117.592		8.551.117.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.995.176.272	1.003.046.000	53.998.222.272
Đầu tư ngắn hạn	21.897.032.998		21.897.032.998
Tại ngày cuối năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	20.790.541.185		20.790.541.185
Chi phí phải trả	9.809.788.020		9.809.788.020
Tại ngày đầu năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.698.085.508		18.698.085.508
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.829.638.592	1.003.046.000	50.832.684.592
Đầu tư ngắn hạn	15.555.043.103		15.555.043.103
Tại ngày đầu năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	16.136.670.005		16.136.670.005
Chi phí phải trả	13.504.195.071		13.504.195.071

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động của Công ty là thuê văn phòng làm việc, thanh toán trước 06 tháng một lần và được công ty phân bổ theo thời gian thanh toán trước.

7.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Cùng nhà đầu tư
Bùi Thái Hòa	Chủ tịch HĐQT
Trương Hùng Sơn	Thành viên HĐQT
Nguyễn Quang Vinh	Thành viên HĐQT
Phạm Thị Hiền	Trưởng Ban kiểm soát
Nguyễn Tiên Phong	Giám đốc
Trần Thị Thu Hương	Phó Giám đốc
Nguyễn Hồng Tú	Phó Giám đốc
Nguyễn Xuân Hoàng	Kế toán trưởng

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng thu nhập Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Bùi Thái Hòa	Chủ tịch HĐQT	452.890.367	357.428.835
Nguyễn Quang Vinh	Thành viên HĐQT	16.200.000	16.200.000
Ban Kiểm soát			
Phạm Thị Hiền	Trưởng Ban kiểm soát	245.884.592	194.286.881
Ban Giám đốc			
Nguyễn Tiên Phong	Giám đốc	379.195.000	316.868.810
Trần Thị Thu Hương	Phó Giám đốc	269.168.988	220.715.887
Nguyễn Hồng Tú	Phó Giám đốc	312.846.309	216.820.800
Nguyễn Xuân Hoàng	Kế toán trưởng	258.119.036	216.171.411
		1.934.304.292	1.538.492.624

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	Xây dựng và dịch vụ	36.025.652.798	46.221.203.461
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Bán hàng và dịch vụ	9.757.358.445	-
		45.783.011.243	-
Mua hàng hóa dịch vụ			
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Hàng hóa và dịch vụ	10.220.394.007	10.025.824.770
		10.220.394.007	10.025.824.770

Số dư với các bên liên quan

	Nội dung	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng			
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	Hàng hóa, dịch vụ	10.224.470.362	5.639.608.584
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Hàng hóa, dịch vụ	-	1.801.341.249
		10.224.470.362	7.440.949.833
Trả trước cho người bán			
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Hàng hóa, dịch vụ	-	1.202.859.569
		-	1.202.859.569
Phải thu khác ngắn hạn			
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	Hàng hóa, dịch vụ	18.768.236.271	26.355.751.017
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Hàng hóa, dịch vụ	4.410.001	748.495.997
		18.772.646.272	27.104.247.014
Phải trả người bán			
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Hàng hóa, dịch vụ	1.015.646.837	-
		1.015.646.837	-

7.4. Thông tin về bộ phận

Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau :

- Lĩnh vực : Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực : Hoạt động cung cấp dịch vụ
- Lĩnh vực : Hoạt động bán hàng hóa

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau :

NĂM TRƯỚC

Chỉ tiêu	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động bán hàng hóa VND	Tổng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.775.085.315	59.478.355.048	-	61.253.440.363
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.775.085.315	59.478.355.048	-	61.253.440.363
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.026.707.772	5.290.463.962	-	6.317.171.734
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.665.938.704)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(4.348.766.970)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.796.007.203
Chi phí tài chính				(17.399.574)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(2.570.159.341)

NĂM NAY

Chỉ tiêu	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động bán hàng hóa VND	Tổng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.164.587.173	44.618.304.684	9.038.174.113	65.821.065.970
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.164.587.173	44.618.304.684	9.038.174.113	65.821.065.970
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.504.065.626	7.076.063.843	43.864.613	8.623.994.082
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(7.824.469.161)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				799.524.921
Doanh thu hoạt động tài chính				995.208.905
Chi phí tài chính				(1.446.038)
Chi phí khác				(42.773.137)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.750.514.651

7.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.


Trần Thị Ngọc
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng


Nguyễn Tiên Phong
Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 03 năm 2025



**TÔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**
Công ty Cổ phần Dịch vụ
Đường cao tốc Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
.....

Số : 150/TCKT-VECS
V/v: *Đính chính báo cáo tài chính*

Kính gửi: - Các cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam
- Các bên liên quan

- Căn cứ Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam với Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Quốc tế (IAV)
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 2509/2024/BCTC/IAV ngày 21/03/2025 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam đính chính thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Quốc tế (IAV) như sau:

Tại thuyết minh số 4.16.1 – Bảng biến động vốn chủ sở hữu trang 23 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính đã được kiểm toán được đính chính lại thông tin đúng như sau:

Nội dung trên Báo cáo tài chính:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	89.372.500.000	900.534.341	2.078.386.914	92.351.421.255
Giảm trong năm trước	-	-	(4.507.609.341)	(4.507.609.341)
- Lỗi trong năm trước	-	-	(2.570.159.341)	(2.570.159.341)
- Chia cổ tức	-	-	(1.787.450.000)	(1.787.450.000)
- Trích lập quỹ	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư cuối năm trước	89.372.500.000	900.534.341	(2.429.222.427)	87.843.811.914
Số dư đầu năm nay	89.372.500.000	900.534.341	(2.429.222.427)	87.843.811.914
Tăng trong năm nay	-	-	1.750.514.651	1.750.514.651
- Lãi trong năm nay	-	-	1.750.514.651	1.750.514.651
Số dư cuối năm nay	178.745.000.000	1.801.068.682	(3.107.930.203)	89.594.326.565

Nội dung sau khi đính chính:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	89.372.500.000	900.534.341	2.078.386.914	92.351.421.255
Giảm trong năm trước	-	-	(4.507.609.341)	(4.507.609.341)
- Lỗ trong năm trước	-	-	(2.570.159.341)	(2.570.159.341)
- Chia cổ tức	-	-	(1.787.450.000)	(1.787.450.000)
- Trích lập quỹ	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
Số dư cuối năm trước	89.372.500.000	900.534.341	(2.429.222.427)	87.843.811.914
Số dư đầu năm nay	89.372.500.000	900.534.341	(2.429.222.427)	87.843.811.914
Tăng trong năm nay	-	-	1.750.514.651	1.750.514.651
- Lãi trong năm nay	-	-	1.750.514.651	1.750.514.651
Số dư cuối năm nay	89.372.500.000	900.534.341	(678.707.776)	89.594.326.565

Văn bản đính chính này được đính kèm với Báo cáo kiểm 2509/2024/BCTC/IAV ngày 21/03/2025 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam.

Trân trọng kính chào!

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025

Xác nhận
Công ty TNHH Kiểm toán
và định giá Quốc tế (IAV)
Phó Giám đốc



Nguyễn Minh Tứ

Công ty Cổ phần Dịch vụ
Đường cao tốc Việt Nam
Giám đốc



Nguyễn Tiên Phong